

TTĐT

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1145 /BC-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

Về việc tiếp thu, giải trình và chỉnh lý dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Gửi: C
	Ngày: 04/12/2025

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tại Kỳ họp thứ 10 Quốc hội Khóa XV, Quốc hội đã thảo luận về dự án Luật Trí tuệ nhân tạo (sau đây viết tắt là Dự án Luật). Dự án Luật nhận được sự quan tâm rất lớn từ các vị đại biểu Quốc hội (ĐBQH) với tổng cộng 117 lượt ĐBQH phát biểu, đóng góp 682 ý kiến (bao gồm 97 lượt đại biểu phát biểu tại Tổ với 557 ý kiến và 20 lượt đại biểu phát biểu tại Hội trường với 125 ý kiến); 01 đại biểu Quốc hội và 04 Đoàn đại biểu Quốc hội gửi ý kiến bằng văn bản. Thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Báo cáo số 4733/BC-VPQH ngày 01/12/2025 của Văn phòng Quốc hội, Chính phủ đã nghiên cứu, tiếp thu và giải trình ý kiến của các đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ, tại Hội trường, ý kiến các Đoàn Đại biểu Quốc hội, Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Chính phủ xin báo cáo một số nội dung lớn trong tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Trí tuệ nhân tạo như sau:

I. VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về sự cần thiết và quan điểm xây dựng dự án Luật

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về tính cấp thiết, đại đa số ý kiến Đại biểu Quốc hội (25 ý kiến) nhất trí cao với việc ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo trong bối cảnh hiện nay. Các đại biểu nhận định đây là "cơ hội lịch sử" (02 ý kiến) để Việt Nam nắm bắt làn sóng công nghệ mới và coi Trí tuệ nhân tạo (AI) là "hạ tầng chiến lược" (01 ý kiến), cần khung pháp lý để quản lý rủi ro và thúc đẩy phát triển. Nếu chậm trễ, Việt Nam đối mặt nguy cơ trở thành "nơi thử nghiệm" cho công nghệ có hại (01 ý kiến). Tuy nhiên, cũng có 01 ý kiến băn khoăn về sự trùng lặp với Luật Công nghệ công nghệ số vừa được Quốc hội thông qua, 01 ý kiến cho rằng việc xây dựng luật còn "vội vàng" và đề nghị ưu tiên thí điểm dưới luật. Về quy trình, có 04 ý kiến đề nghị xem xét thông qua tại 02 kỳ họp do tính chất phức tạp của dự án luật.

Về quan điểm xây dựng, có 13 ý kiến tán thành hướng tiếp cận "luật khung", "luật nguyên tắc" và giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm tính linh hoạt. Bên cạnh đó, có 03 ý kiến đề nghị cần tìm "điểm cân bằng" giữa quản lý rủi ro và

thúc đẩy phát triển; có 01 ý kiến đề nghị đổi tên thành Luật Hệ thống trí tuệ nhân tạo.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình và tiếp thu như sau:

Thứ nhất, về sự cần thiết và tính độc lập của Luật: Việc ban hành Luật AI là yêu cầu cấp bách để thể chế hóa các Nghị quyết của Bộ Chính trị, tạo hành lang pháp lý chuyên biệt cho một lĩnh vực có tác động sâu rộng đến kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh và quyền con người. Để giải quyết lo ngại về sự trùng lặp với Luật Công nghiệp công nghệ số, Dự thảo Luật đã quy định rõ tại khoản 1 Điều 33 bãi bỏ toàn bộ Chương IV về trí tuệ nhân tạo của Luật Công nghiệp công nghệ số. Điều này khẳng định Luật AI sẽ là văn bản pháp lý chuyên ngành duy nhất, thống nhất điều chỉnh toàn diện lĩnh vực này, tập trung vào quản lý rủi ro và đạo đức, khác biệt với phạm vi điều chỉnh về công nghiệp của Luật Công nghiệp công nghệ số.

Thứ hai, về quan điểm “Luật khung” và cân bằng quản lý: Dự thảo Luật định hướng xây dựng “luật khung”, tập trung quy định các nguyên tắc cốt lõi (Điều 4), các hành vi bị cấm (Điều 6) và khung quản trị rủi ro (Chương II). Quan điểm xây dựng Luật là kế thừa kinh nghiệm quản lý trí tuệ của nhân loại để áp dụng phù hợp cho AI: quản lý đầu vào thông qua dữ liệu; quản lý khuôn khổ sử dụng thông qua pháp luật, đạo đức; và quản lý hậu quả thông qua cơ chế trách nhiệm.

Về định hướng, Dự thảo Luật được thiết kế theo hướng hài hòa giữa quản lý và thúc đẩy phát triển AI: bảo đảm an toàn ở mức cao đối với các rủi ro trọng yếu (tiếp thu kinh nghiệm của EU, Hàn Quốc), nhưng đồng thời có các chính sách thúc đẩy phát triển mạnh mẽ (như cách tiếp cận của Nhật Bản) để tận dụng cơ hội, không kìm hãm đổi mới sáng tạo. Để cụ thể hóa quan điểm này, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý bảo đảm sự cân bằng thực chất giữa quản lý và thúc đẩy phát triển. Cụ thể, về chính sách thúc đẩy, Dự thảo Luật khẳng định hoạt động về trí tuệ nhân tạo được hưởng mức ưu đãi và hỗ trợ cao nhất nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường AI (Điều 19); Về cơ chế thử nghiệm, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) tại Điều 20 được hoàn thiện theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, bao gồm cho phép miễn, giảm một số nghĩa vụ tuân thủ và áp dụng quy trình thẩm định, phản hồi nhanh theo quy định của Chính phủ; Về nguồn lực, Quỹ Phát triển trí tuệ nhân tạo Quốc gia (Điều 21) được điều chỉnh tập trung hỗ trợ phát triển hạ tầng chiến lược, công nghệ lõi với cơ chế tài chính đặc thù. Đặc biệt, Dự thảo Luật bổ sung cơ chế phiếu hỗ trợ (Điều 24) để doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận thuận lợi hạ tầng tính toán và nền tảng huấn luyện, qua đó tăng năng lực cạnh tranh quốc gia.

Thứ ba, về tên gọi của Luật: Ban soạn thảo xin giữ tên gọi “Luật Trí tuệ nhân tạo” vì tính ngắn gọn, phổ quát và phù hợp thông lệ quốc tế. Khái niệm “Hệ thống trí tuệ nhân tạo” đã được định nghĩa rõ tại Điều 3 là đối tượng quản lý chính của Luật, do đó tên gọi hiện tại vẫn bảo đảm tính bao quát và chính xác.

Thứ tư, về ý kiến cho rằng việc xây dựng luật còn “vội vàng”: Cơ quan soạn thảo khẳng định việc xây dựng Luật được thực hiện không phải vì nóng vội, mà xuất phát từ yêu cầu cấp bách của thực tiễn. Công nghệ AI phát triển theo cấp số nhân, kéo theo nhiều rủi ro mới như deepfake, lừa đảo sử dụng AI, thao túng thông tin, xâm phạm dữ liệu cá nhân, trong khi hệ thống pháp luật hiện hành chưa có quy định đầy đủ để quản lý. Nếu tiếp tục chờ đợi hoặc chỉ thí điểm bằng văn bản dưới luật, Việt Nam sẽ bỏ lỡ thời điểm quan trọng để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp AI, đồng thời thiếu công cụ pháp lý để xử lý rủi ro đã hiện hữu. Dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở tham khảo sâu rộng kinh nghiệm quốc tế (trong đó có Luật AI của Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản), tham vấn ý kiến chuyên gia, cộng đồng doanh nghiệp và các cơ quan của Quốc hội, bảo đảm tính khoa học, thận trọng và thực tiễn.

Thứ năm, về đề xuất ưu tiên thí điểm bằng văn bản dưới luật: Một số nội dung trong Dự thảo, như danh mục hệ thống AI bị cấm, nghĩa vụ trách nhiệm giải trình, cơ chế bảo vệ quyền con người khi sử dụng AI, hay chính sách ưu đãi tài chính – thuế cho phát triển AI, đều là các vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của công dân và ngân sách nhà nước, chỉ có thể được quy định bằng Luật, theo yêu cầu của Hiến pháp. Bên cạnh đó, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) có thể triển khai bằng Nghị định, tuy nhiên không thể điều chỉnh các vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh ở cấp Luật.

Như vậy, việc ban hành Luật Trí tuệ nhân tạo là cấp thiết và phù hợp, nhằm thể chế hóa kịp thời chủ trương của Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tạo nền tảng pháp lý để phát triển kinh tế – xã hội, đồng thời bảo đảm an ninh, an toàn và quyền con người trong bối cảnh AI phát triển nhanh, tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực.

2. Về hồ sơ và thời hạn gửi hồ sơ dự án Luật

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 05 ý kiến đánh giá cao nỗ lực chuẩn bị hồ sơ của Chính phủ. Đồng thời, 04 ý kiến phản ánh thời gian nghiên cứu gấp và 04 ý kiến cho rằng văn phong còn mang tính chuyên ngành, khó hiểu.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo trân trọng cảm ơn sự chia sẻ của các Đại biểu. Tiếp thu ý kiến, Ban soạn thảo đã rà soát, biên tập lại văn phong trong Tờ trình và Dự

thảo Luật, lược bỏ các thuật ngữ quá kỹ thuật tại Điều 3 (như đã bỏ thuật ngữ “mô hình AI đa dụng”) để đảm bảo tính đại chúng, dễ hiểu và mạch lạc hơn.

3. Về tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất của hệ thống pháp luật

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Các đại biểu quan tâm sâu sắc đến tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Có 02 ý kiến đề nghị rà soát toàn diện để tránh chồng chéo với khoảng 50 văn bản hiện hành. Cụ thể, có 01 ý kiến lo ngại quy định Sandbox (Điều 22 cũ, nay là Điều 20) mâu thuẫn với luật khác; có 01 ý kiến cho rằng quy định phạt vi phạm hành chính theo % doanh thu là không thống nhất với Luật Xử lý vi phạm hành chính; có 04 ý kiến đề nghị dự thảo Luật cần nội luật hóa các khung quản trị mới như Công ước Hà Nội.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình và tiếp thu như sau:

Thứ nhất, về tính thống nhất và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát: Cơ quan soạn thảo đã rà soát kỹ lưỡng để giải quyết mâu thuẫn giữa yêu cầu thử nghiệm công nghệ mới với các quy định cứng của pháp luật hiện hành. Khoản 2 Điều 20 đã chỉnh lý theo hướng: cho phép tổ chức tham gia được miễn, giảm hoặc điều chỉnh tạm thời nghĩa vụ theo Luật này và “một số yêu cầu của pháp luật chuyên ngành theo quy định của Chính phủ”. Quy định này là cần thiết và bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp vì: (i) AI là công nghệ tác động đa ngành, việc liệt kê cụ thể từng điều khoản luật chuyên ngành (y tế, giao thông, tài chính...) cần miễn trừ ngay trong Luật AI là không khả thi và dễ lạc hậu; (ii) Đây là hình thức Quốc hội ủy quyền lập pháp giao cho Chính phủ thẩm quyền quyết định phạm vi miễn trừ cụ thể trong giới hạn không gian và thời gian thử nghiệm, giúp tháo gỡ vướng mắc pháp lý thực tiễn cho doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm sự kiểm soát chặt chẽ của Nhà nước.

Thứ hai, về xử phạt vi phạm hành chính: Tiếp thu ý kiến đại biểu, Dự thảo Luật đã bỏ quy định phạt theo % doanh thu. Thay vào đó, khoản 2 Điều 28 quy định mức phạt tiền tối đa bằng số tuyệt đối (1 tỷ đồng đối với cá nhân, 2 tỷ đồng đối với tổ chức). Đồng thời, khoản 2 Điều 33 đã sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính để bổ sung “trí tuệ nhân tạo” vào danh mục lĩnh vực được áp dụng mức phạt đặc thù này, đảm bảo sự thống nhất của hệ thống pháp luật.

Thứ ba, về tương thích quốc tế: Dự thảo được xây dựng trên cơ sở tham khảo luật pháp EU, OECD, UNESCO. Điều 31 về Hợp tác quốc tế đã khẳng định nguyên tắc tuân thủ điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tạo nền tảng để nội luật hóa các cam kết quốc tế mới khi cần thiết.

4. Về tính khả thi của Luật AI

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Nhiều đại biểu băn khoăn về tính khả thi khi triển khai: có 04 ý kiến cho rằng việc đánh giá sự phù hợp khó khả thi do thiếu tiêu chuẩn kỹ thuật; có 04 ý kiến lo ngại về nguồn lực cho các thiết chế mới như Ủy ban Quốc gia về AI; có 01 ý kiến đề nghị Luật cần có cơ chế cập nhật quy định theo thời gian thực để tránh bị lỗi thời.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giải trình và tiếp thu như sau:

Thứ nhất, về tổ chức bộ máy và nguồn lực thực hiện: Tiếp thu ý kiến của các đại biểu về chủ trương tinh gọn bộ máy và bảo đảm tính khả thi về nguồn lực, Cơ quan soạn thảo đã chỉnh lý dự thảo Luật theo hướng bãi bỏ hoàn toàn quy định về việc thành lập Ủy ban Quốc gia về Trí tuệ nhân tạo. Thay vào đó, chức năng quản lý nhà nước sẽ được giao thống nhất cho Chính phủ, trong đó Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm làm đầu mối chủ trì theo quy định tại Điều 32. Phương án này giúp tận dụng tối đa bộ máy, nguồn lực chuyên môn sẵn có của các Bộ, ngành mà không làm phát sinh tổ chức mới, bảo đảm tiết kiệm và hiệu quả trong triển khai.

Thứ hai, về sự thiếu hụt tiêu chuẩn kỹ thuật để đánh giá sự phù hợp: Cơ quan soạn thảo xin giải trình rõ cơ chế áp dụng linh hoạt của dự thảo Luật để giải tỏa lo ngại của đại biểu. Việc đánh giá sự phù hợp theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật không áp dụng đại trà mà chỉ bắt buộc đối với các hệ thống AI rủi ro cao nằm trong Danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành (khoản 6 Điều 12). Quy định này tạo ra một “van điều tiết” linh hoạt: trong trường hợp Việt Nam chưa ban hành được tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với một loại hệ thống AI cụ thể, Thủ tướng Chính phủ sẽ chưa đưa hệ thống đó vào danh mục bắt buộc phải tiền kiểm (chứng nhận sự phù hợp). Điều này bảo đảm tính khả thi, tránh gây ách tắc cho doanh nghiệp. Đồng thời, để đáp ứng nhu cầu thực tiễn, khoản 4 Điều 12 của dự thảo Luật cũng cho phép công nhận kết quả đánh giá của tổ chức nước ngoài hoặc thừa nhận các tiêu chuẩn quốc tế phổ biến.

Thứ ba, về tính linh hoạt và cập nhật quy định: Để tránh tình trạng Luật bị “đóng khung” và nhanh chóng lỗi thời trước sự thay đổi của công nghệ, dự thảo không quy định cứng các danh mục công nghệ hay mức độ rủi ro cụ thể ngay trong Luật. Thay vào đó, khoản 6 Điều 12 giao thẩm quyền cho Thủ tướng Chính phủ ban hành và cập nhật Danh mục hệ thống AI rủi ro cao. Cơ chế ủy quyền lập pháp này cho phép Chính phủ cập nhật các quy định quản lý “theo thời gian thực”, bổ sung hoặc đưa ra khỏi danh mục quản lý các hệ thống AI tùy theo sự phát triển của công nghệ và thực tiễn quản lý mà không cần phải sửa đổi Luật, đáp ứng đúng yêu cầu kiến tạo và quản lý linh hoạt.

II. VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ

1. Về quy định chung (Chương I)

Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

- *Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:* Về nội dung này, các Đại biểu Quốc hội đã đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc nhằm hoàn thiện phạm vi điều chỉnh của Luật. Có 02 ý kiến đề nghị rà soát để tránh trùng lặp với Luật Công nghiệp công nghệ số và 02 ý kiến đề nghị làm rõ ranh giới với các nền tảng cung cấp dịch vụ AI, mô hình AI, mã nguồn mở và AI xuyên biên giới. Đặc biệt, có 04 ý kiến băn khoăn về việc loại trừ AI phục vụ quốc phòng, an ninh khỏi phạm vi điều chỉnh, lo ngại tạo ra khoảng trống pháp lý khi các hệ thống này được chuyển sang mục đích dân sự, đồng thời đề nghị cần có quy định nguyên tắc để quản lý rủi ro trong lĩnh vực này. Ngoài ra, có 03 ý kiến đề nghị làm rõ cơ chế quản lý đối với AI sử dụng nội bộ để tránh tạo ra "vùng miễn trừ" rủi ro.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Thứ nhất, về mối quan hệ với các luật khác: Cơ quan soạn thảo đã tiến hành rà soát toàn diện để phân định ranh giới rõ ràng. Luật AI tập trung điều chỉnh các khía cạnh đặc thù về quản trị rủi ro, đạo đức và trách nhiệm giải trình, khác biệt với phạm vi điều chỉnh về công nghiệp của Luật Công nghiệp công nghệ số. Để đảm bảo tính thống nhất tuyệt đối, Dự thảo Luật đã quy định bãi bỏ toàn bộ Chương IV về trí tuệ nhân tạo của Luật Công nghiệp công nghệ số tại Điều 33.

Thứ hai, về AI phục vụ quốc phòng, an ninh: Tiếp thu ý kiến đại biểu, Dự thảo Luật giữ nguyên tắc loại trừ AI phục vụ *riêng* cho mục đích quốc phòng, an ninh (tại khoản 2 Điều 1) do tính chất bảo mật đặc thù của lĩnh vực này. Tuy nhiên, để giải quyết lo ngại về “khoảng trống pháp lý” khi chuyển đổi mục đích sử dụng, Dự thảo đã bổ sung khoản 3 Điều 1 quy định rõ: trường hợp các hệ thống này được sử dụng cho mục đích khác (dân sự), thì phải tuân thủ đầy đủ quy định của Luật AI. Đồng thời, đã bỏ cụm từ “*tình báo*” theo ý kiến góp ý để đảm bảo sự cô đọng, chính xác.

Thứ ba, về AI sử dụng nội bộ: Cơ quan soạn thảo thống nhất quan điểm không tạo ra vùng miễn trừ rủi ro. Dự thảo Luật đã quy định AI sử dụng nội bộ (bao gồm cả nghiên cứu, đào tạo) thuộc nhóm rủi ro thấp (Điều 8). Điều này có nghĩa là các hệ thống này vẫn nằm trong phạm vi điều chỉnh của Luật, vẫn phải tuân thủ các nguyên tắc an toàn cơ bản và các hành vi bị cấm, nhưng được giảm thiểu các thủ tục hành chính để khuyến khích hoạt động nghiên cứu, sáng tạo.

Về đối tượng áp dụng (Điều 2)

- *Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:*

Có 04 ý kiến đề nghị bổ sung hoạt động “nghiên cứu” vào Điều 2 để thống nhất với Điều 1. Bên cạnh đó, có 03 ý kiến đề nghị làm rõ cơ chế quản lý đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp AI xuyên biên giới, và 01 ý kiến đề nghị quy định cụ thể hơn về “kết quả được sử dụng tại Việt Nam”

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về hoạt động nghiên cứu: Tiếp thu ý kiến xác đáng của đại biểu, Dự thảo Luật đã bổ sung cụm từ “nghiên cứu” vào Điều 2, bảo đảm sự thống nhất, xuyên suốt với phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 và bao quát toàn diện vòng đời của hệ thống AI.

Thứ hai, về AI xuyên biên giới: Dự thảo Luật đã thiết kế quy định theo nguyên tắc “lãnh thổ mở rộng”. Điều 2 khẳng định Luật áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động AI tại Việt Nam. Để bảo đảm khả năng thực thi, khoản 6 Điều 13 quy định cụ thể: Nhà cung cấp nước ngoài có hệ thống AI rủi ro cao cung cấp tại Việt Nam bắt buộc phải có đầu mối liên hệ hợp pháp hoặc đại diện ủy quyền.

Về giải thích từ ngữ (Điều 3)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về nội dung này, các Đại biểu Quốc hội đã đóng góp nhiều ý kiến cụ thể nhằm hoàn thiện hệ thống khái niệm của dự thảo Luật. Có 02 ý kiến đề nghị định nghĩa rõ hơn về “Trí tuệ nhân tạo” để tránh gây hiểu nhầm, trong đó 01 ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “mở rộng năng lực trí tuệ con người” vì tính chất trừu tượng. Bên cạnh đó, nhiều ý kiến đề nghị rà soát, lược bỏ các thuật ngữ quá học thuật, thiếu rõ ràng như “rủi ro hệ thống”, “mô hình đa dụng”, “đa tác tử”. Ngược lại, có 04 ý kiến đề nghị bổ sung các khái niệm cần thiết cho quản lý như “hồ sơ kỹ thuật”, “sản phẩm AI”, “deepfake”. Ngoài ra, 02 ý kiến đề nghị làm rõ các thuật ngữ chuyên ngành như “tinh chỉnh” và “giấy phép mã nguồn mở”.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về định nghĩa Trí tuệ nhân tạo: Tiếp thu ý kiến xác đáng của đại biểu, khoản 1 Điều 3 đã được chỉnh lý theo hướng lược bỏ cụm từ gây tranh luận “mở rộng năng lực trí tuệ con người”. Định nghĩa mới tập trung vào bản chất kỹ thuật khách quan của hệ thống (sử dụng phương pháp tính toán, phân tích dữ liệu để tạo ra đầu ra như dự đoán, khuyến nghị), nhằm đảm bảo tính chính xác khoa học, dễ hiểu và thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước.

Thứ hai, về các thuật ngữ chuyên ngành: Để đảm bảo tính khả thi và tránh phức tạp hóa, Ban soạn thảo đã lược bỏ các định nghĩa và quy định về “mô hình trí tuệ nhân tạo đa dụng”, “giấy phép mã nguồn mở” và “rủi ro hệ thống”. Thay vì quản lý dựa trên các khái niệm kỹ thuật trừu tượng này, Luật chuyển sang quản lý dựa trên mức độ rủi ro thực tế của hệ thống AI khi được đưa vào ứng dụng cụ thể. Các thuật ngữ không còn sử dụng như “hệ thống đa tác tử” cũng đã được bỏ.

Thứ ba, về đề xuất bổ sung các khái niệm mới: Đối với các khái niệm như “hồ sơ kỹ thuật”, “sản phẩm AI”, “dịch vụ AI”: Cơ quan soạn thảo nhận thấy nội hàm của các thuật ngữ này đã được làm rõ trong các điều khoản quy định về nghĩa vụ cụ thể (ví dụ: yêu cầu về hồ sơ tại Điều 13, chính sách ưu đãi sản phẩm tại Điều 19). Việc không định nghĩa cứng tại Điều 3 giúp đảm bảo tính linh hoạt của văn bản luật trước sự thay đổi nhanh của công nghệ và thị trường. Đối với khái niệm “deepfake” (nội dung giả lập): Thay vì định nghĩa thuật ngữ, Luật đã quy định trực tiếp nghĩa vụ gắn nhãn đối với nội dung mô phỏng hình ảnh, giọng nói tại Điều 10 và cấm hành vi tạo nội dung giả mạo gây nguy hại tại Điều 6, đảm bảo hiệu lực quản lý thực tế.

Thứ tư, về chỉnh lý kỹ thuật văn bản: Thuật ngữ “tinh chỉnh” (fine-tuning) được giữ lại và định nghĩa rõ tại khoản 10 Điều 3 vì đây là hoạt động quan trọng để xác định trách nhiệm của nhà phát triển. Tiếp thu ý kiến góp ý về kỹ thuật văn bản, Ban soạn thảo đã rà soát và chỉnh sửa định nghĩa “Người bị ảnh hưởng” tại khoản 9 Điều 3 (tương ứng khoản 11 cũ) để đảm bảo ngữ nghĩa chặt chẽ. Đồng thời, các cụm từ liên quan đến quyền con người đã được rà soát để thống nhất với Hiến pháp.

Về các nguyên tắc cơ bản (Điều 4)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về nội dung này, các Đại biểu Quốc hội đã đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc nhằm hoàn thiện nền tảng tư tưởng của Luật. Có 01 ý kiến đề nghị cấu trúc lại các nguyên tắc theo nhóm vấn đề để tăng tính logic. 03 ý kiến đề nghị bổ sung các nguyên tắc về phát triển xanh, tiết kiệm năng lượng và nguồn nước. Nhiều ý kiến đề nghị nhấn mạnh yếu tố văn hóa, quyền con người, trách nhiệm giải trình và bảo đảm sự thống nhất với Hiến pháp, pháp luật. Đặc biệt, có 01 ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc về “Cơ sở dữ liệu nền tảng chuẩn mực” để định hướng hành vi của AI.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về cấu trúc và nội dung: Tiếp thu ý kiến đại biểu, Điều 4 đã được rà soát và cấu trúc lại một cách mạch lạc theo 04 nhóm nguyên tắc cốt lõi: (1)

Nhóm về con người, pháp luật và lợi ích quốc gia; (2) Nhóm về kiểm soát, an toàn và bảo mật; (3) Nhóm về công bằng, minh bạch, đạo đức và trách nhiệm; (4) Nhóm về phát triển bền vững. Việc sắp xếp này giúp tránh trùng lặp, tăng tính logic và thuận lợi cho việc áp dụng. Đồng thời, đoạn mở đầu của Điều 4 đã được chỉnh lý bỏ đi để đi thẳng vào nội dung, đảm bảo tính cô đọng.

Thứ hai, về quyền con người và lợi ích quốc gia: Dự thảo Luật đã bổ sung đầy đủ: “Lấy con người làm trung tâm, tôn trọng nhân phẩm, quyền con người, quyền riêng tư; bảo đảm lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và an ninh quốc gia; tuân thủ Hiến pháp và pháp luật trong mọi hoạt động liên quan đến trí tuệ nhân tạo”. Nguyên tắc “tôn trọng nhân phẩm” được giữ lại vì đây là giá trị đạo đức nền tảng trong phát triển AI theo chuẩn mực quốc tế.

Thứ ba, về phát triển bền vững và môi trường: Khoản 4 Điều 4 đã được bổ sung cụm từ “ứng phó biến đổi khí hậu” và nhấn mạnh yêu cầu khuyến khích phát triển công nghệ AI theo hướng “sử dụng hiệu quả năng lượng, tiết kiệm tài nguyên và giảm tác động đến môi trường”. Quy định này bao quát cả yêu cầu về tiết kiệm nguồn nước và phát triển xanh.

Thứ tư, về công bằng, minh bạch và văn hóa: Các nguyên tắc về bảo đảm công bằng, minh bạch, không thiên lệch, không phân biệt đối xử và không gây hại cho con người, xã hội đã được quy định rõ tại khoản 3 Điều 4. Về văn hóa, khoản 3 Điều 4 cũng quy định nguyên tắc “tuân thủ chuẩn mực đạo đức và giá trị văn hóa Việt Nam”, tạo cơ sở để ngăn chặn các nội dung sai lệch hoặc xâm phạm bản sắc văn hóa dân tộc. Nguyên tắc về “thực hiện trách nhiệm giải trình về các quyết định và hệ quả của hệ thống” cũng được bổ sung tại khoản 3 Điều 4, đáp ứng yêu cầu về minh bạch hóa hoạt động của AI.

Thứ năm, về đề xuất “Cơ sở dữ liệu nền tảng chuẩn mực”: Cơ quan soạn thảo ghi nhận ý kiến tâm huyết này. Tuy nhiên, việc quy định cứng một cơ sở dữ liệu kỹ thuật bắt buộc trong Luật là khó khả thi và có thể nhanh chóng lỗi thời. Thay vào đó, tinh thần của đề xuất được tiếp thu thông qua các quy định tại Điều 16 (về Cơ sở dữ liệu quốc gia và danh mục dữ liệu thiết yếu, ưu tiên dữ liệu văn hóa, ngôn ngữ Việt) và Điều 17 (về phát triển mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và công nghệ xử lý tri thức Việt Nam). Cách tiếp cận này vừa đảm bảo định hướng giá trị Việt Nam cho AI, vừa giữ được tính linh hoạt về công nghệ.

Về chính sách của Nhà nước về trí tuệ nhân tạo (Điều 5)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 03 ý kiến cho rằng cần chuyển một số nội dung mang tính nguyên tắc sang Điều 4. Nhiều ý kiến đề nghị bổ sung chính sách đặc thù cho các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế và hỗ trợ các vùng khó khăn, dân tộc thiểu số. 02 ý kiến đề nghị có chính sách đột phá để thu hút doanh nghiệp đầu tư.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về phân định chính sách và nguyên tắc: Tiếp thu ý kiến đại biểu về kỹ thuật lập pháp, Cơ quan soạn thảo đã rà soát và chuyển một số nội dung mang tính nguyên tắc chỉ đạo (như “lấy con người làm trung tâm”, “quản lý theo rủi ro”) sang Điều 4. Điều 5 được chỉnh lý để tập trung quy định các cam kết về nguồn lực, định hướng đầu tư và biện pháp hỗ trợ cụ thể của Nhà nước.

Thứ hai, về chính sách xã hội và văn hóa: Khoản 3 Điều 5 đã được chỉnh lý theo hướng nhấn mạnh chính sách ưu tiên phát triển và ứng dụng AI phục vụ an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách số, hỗ trợ người khuyết tật, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số; đồng thời khẳng định mục tiêu bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa và bản sắc dân tộc trong kỷ nguyên số.

Thứ ba, về chính sách đột phá và thu hút đầu tư: Để tạo động lực mạnh mẽ cho doanh nghiệp, bên cạnh các định hướng lớn tại Điều 5, Dự thảo Luật đã quy định cụ thể các cơ chế ưu đãi vượt trội về thuế, tín dụng, đầu tư tại Điều 19 và các hỗ trợ trực tiếp (như phiếu hỗ trợ tiếp cận hạ tầng tính toán) tại Điều 24. Đây là các công cụ chính sách thiết thực nhằm khuyến khích khu vực tư nhân tham gia phát triển thị trường AI.

Thứ tư, về phạm vi ưu tiên ứng dụng: Khoản 4 Điều 5 (mới) đã được mở rộng theo hướng: Nhà nước không chỉ ưu tiên ứng dụng AI trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước mà còn khuyến khích ứng dụng rộng rãi trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội trọng điểm nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản trị quốc gia.

Về Ủy ban Quốc gia và Công thông tin (Điều 6)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 04 ý kiến lo ngại về sự chồng chéo chức năng của Ủy ban Quốc gia về AI và đề nghị tinh gọn bộ máy. Đối với Công thông tin và CSDL quốc gia, có ý kiến đề nghị làm rõ mối quan hệ với các hệ thống hiện có để tránh lãng phí.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về Ủy ban Quốc gia: Tiếp thu xác đáng của đại biểu về yêu cầu tinh gọn bộ máy, Dự thảo Luật đã bãi bỏ hoàn toàn quy định về việc thành lập Ủy ban Quốc gia về Trí tuệ nhân tạo. Việc thành lập các tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và sẽ được xem xét thành lập khi thực tiễn yêu cầu, không nhất thiết phải quy định cứng trong Luật. Thay vào đó, Dự thảo

Luật giao Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trí tuệ nhân tạo, bảo đảm sự linh hoạt trong chỉ đạo, điều hành.

Thứ hai, về Cổng thông tin điện tử một cửa và CSDL quốc gia về trí tuệ nhân tạo: Điều 7 của Dự thảo Luật (mới) đã được chỉnh lý để làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Cổng thông tin điện tử một cửa và Cơ sở dữ liệu quốc gia về hệ thống trí tuệ nhân tạo. Để bảo đảm tính đồng bộ, tiết kiệm và hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải, các hệ thống này được thiết kế theo hướng tích hợp, kết nối, liên thông với Cổng Dịch vụ công quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành sẵn có. Quy định này vừa đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước đặc thù đối với AI, vừa tuân thủ nguyên tắc xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

2. Về phân loại và quản lý hệ thống AI theo rủi ro

Về phân loại rủi ro

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về nội dung này, có 06 ý kiến đại biểu đề nghị chỉnh lý quy định phân loại để đảm bảo rõ ràng, định lượng được vì ranh giới 4 mức rủi ro hiện tại còn mơ hồ. Đáng chú ý, có 05 ý kiến đề nghị tách nhóm “rủi ro không chấp nhận được” ra khỏi thang phân loại và 11 ý kiến đề nghị bổ sung điều riêng về “Các hành vi bị nghiêm cấm” (như lạm dụng AI, deepfake, xâm phạm an ninh). Ngoài ra, có 02 ý kiến đề nghị thẩm định độc lập đối với AI rủi ro cao và các ý kiến khác đề nghị làm rõ tiêu chí về đối tượng chịu tác động (trẻ em, người yếu thế) và trách nhiệm phân loại lại khi sửa đổi hệ thống.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về mô hình phân loại và hành vi cấm: Tiếp thu ý kiến của đa số đại biểu, Dự thảo Luật đã thay đổi căn bản cấu trúc quản lý rủi ro. Ban soạn thảo đã bỏ mô hình 4 mức rủi ro và chuyển sang phân loại 03 mức rủi ro (Cao, Trung bình, Thấp) tại Điều 8 để đảm bảo sự rõ ràng và khả thi. Nhóm “rủi ro không chấp nhận được” đã được tách ra và chuyển thành Điều 6 (Các hành vi bị cấm) độc lập. Quy định này liệt kê cụ thể các hành vi bị nghiêm cấm tuyệt đối như: lợi dụng AI để vi phạm pháp luật, sử dụng yếu tố giả mạo để thao túng nhận thức, lừa dối hoặc tạo ra nội dung gây nguy hại đến an ninh quốc gia. Việc tách bạch này tạo cơ sở pháp lý vững chắc để xử lý nghiêm các vi phạm, đồng thời ngăn chặn việc nghiên cứu, phát triển các hệ thống này ngay từ đầu, kể cả trong phạm vi nội bộ dân sự.

Thứ hai, về tiêu chí phân loại và đối tượng chịu tác động: Để khắc phục tính định tính, khoản 4 Điều 8 đã bổ sung các tiêu chí phân loại mang tính nguyên tắc dựa trên: mức độ tác động đến quyền con người, an toàn, an ninh; lĩnh vực sử dụng; và phạm vi, quy mô ảnh hưởng. Đặc biệt, tiếp thu ý kiến về bảo vệ nhóm

yếu thế, Điều 6 đã cấm tuyệt đối hành vi lợi dụng điểm yếu của trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật. Các tiêu chí kỹ thuật chi tiết để lượng hóa mức độ rủi ro sẽ được giao Chính phủ quy định tại văn bản dưới luật để đảm bảo tính linh hoạt và cập nhật theo thực tiễn công nghệ.

Thứ ba, về thẩm định độc lập và trách nhiệm phân loại lại: Tiếp thu ý kiến về kiểm soát chặt chẽ AI rủi ro cao, Điều 12 quy định hệ thống này phải được đánh giá sự phù hợp trước khi lưu hành. Các hệ thống rủi ro cao có khả năng gây hại đáng kể (theo danh mục của Thủ tướng), phải thực hiện chứng nhận sự phù hợp bởi tổ chức độc lập. Đồng thời, khoản 2 Điều 9 đã quy định rõ: trường hợp bên triển khai sửa đổi, tích hợp hoặc thay đổi chức năng làm phát sinh rủi ro mới thì phải phối hợp với nhà cung cấp để thực hiện phân loại lại, đảm bảo rủi ro luôn được kiểm soát trong suốt vòng đời hệ thống.

Về quản lý rủi ro cao và trách nhiệm

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 03 ý kiến đề nghị giao Bộ Y tế chủ trì quản lý AI rủi ro cao trong y tế. 02 ý kiến đề nghị áp dụng kiểm soát liên tục và đánh giá độc lập bắt buộc đối với AI rủi ro cao. 03 ý kiến lo ngại về gánh nặng cho Bộ Khoa học và Công nghệ nếu phải xác nhận mức rủi ro cho tất cả hệ thống, đề nghị làm rõ cơ chế tự phân loại.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về quản lý chuyên ngành: Dự thảo Luật đã phân cấp quản lý rõ ràng: Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm quản lý nhà nước chung, các Bộ chuyên ngành (như Bộ Y tế) chủ trì quản lý chuyên môn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật đối với hệ thống AI trong lĩnh vực của mình, bảo đảm tính chuyên sâu

Thứ hai, về cơ chế phân loại và xác nhận: Cơ chế quản lý đối với AI rủi ro cao được thiết kế theo hướng “tiền kiểm tối thiểu, hậu kiểm mạnh mẽ”. Nghĩa vụ tối thiểu trước khi triển khai là doanh nghiệp phải tự đánh giá, chuẩn bị đầy đủ hồ sơ an toàn nhưng không bắt buộc phải nộp hồ sơ xin cấp phép (trừ một số trường hợp đặc biệt thuộc danh mục Thủ tướng Chính phủ quy định). Hồ sơ này chỉ phải xuất trình khi cơ quan quản lý yêu cầu kiểm tra. Đây là cách tiếp cận giảm thiểu thủ tục hành chính nhưng vẫn buộc doanh nghiệp phải có trách nhiệm chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi đưa sản phẩm ra thị trường. Trường hợp doanh nghiệp không đủ năng lực thì có thể đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xác nhận (Bộ Khoa học và Công nghệ không phân loại thay). Cơ chế này vừa đảm bảo quyền tự chủ của doanh nghiệp, vừa giữ vai trò kiểm soát, hỗ trợ của nhà nước, tránh tạo gánh nặng hành chính quá lớn.

Thứ ba, về kiểm soát AI rủi ro cao: Tiếp thu ý kiến về kiểm soát chặt chẽ, Điều 12 quy định hệ thống rủi ro cao bắt buộc phải đánh giá sự phù hợp trước khi lưu hành. Đối với các hệ thống có rủi ro cao có khả năng gây hại đáng kể (theo danh mục của Thủ tướng), phải thực hiện chứng nhận sự phù hợp bởi tổ chức độc lập. Điều này đáp ứng yêu cầu về đánh giá khách quan trước khi vận hành.

Về minh bạch, trách nhiệm quản lý và mô hình đa dụng

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về nội dung này, có 04 ý kiến đề nghị quy định bắt buộc gắn nhãn đối với deepfake và có chế tài mạnh. 02 ý kiến đề nghị bổ sung yêu cầu gắn nhãn riêng cho AI y tế. Nhiều ý kiến đề nghị làm rõ hoặc bỏ quy định về “mô hình AI đa dụng” do khó khả thi và vượt quá nguồn lực quản lý. 01 ý kiến đề nghị bổ sung quyền từ chối quyết định tự động cho người dùng. 02 ý kiến đề nghị làm rõ cơ chế quản lý dịch vụ AI xuyên biên giới.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về minh bạch và kiểm soát deepfake: Tiếp thu ý kiến đại biểu, Điều 10 (Trách nhiệm minh bạch) đã quy định rõ trách nhiệm của Nhà cung cấp và Bên triển khai trong việc bảo đảm người dùng nhận biết khi tương tác với AI. Để tăng cường khả năng truy xuất nguồn gốc, khoản 2 Điều 10 quy định Nhà cung cấp phải bảo đảm các nội dung âm thanh, hình ảnh, video do hệ thống AI tạo ra được đánh dấu ở dạng máy đọc. Đặc biệt, khoản 4 Điều 10 yêu cầu bắt buộc gắn nhãn để nhận biết đối với nội dung mô phỏng hình ảnh, giọng nói người thật (deepfake). Về trách nhiệm giải trình và minh bạch thuật toán, để bảo đảm bí mật kinh doanh và khuyến khích doanh nghiệp, Dự thảo Luật quy định theo hướng yêu cầu minh bạch về nguyên tắc, mục tiêu, tiêu chí hoạt động và khả năng giải thích kết quả, không yêu cầu doanh nghiệp phải công khai toàn bộ mã nguồn hay bí quyết công nghệ cốt lõi. Về chế tài, các hành vi tạo ra hoặc phổ biến nội dung giả mạo gây nguy hại nghiêm trọng đã được đưa vào Điều 6 (Các hành vi bị cấm). Việc xử lý vi phạm (bao gồm các chế tài mạnh) được thực hiện theo Điều 28 và pháp luật liên quan. Các yêu cầu kỹ thuật chi tiết về gắn nhãn sẽ được Chính phủ quy định tại văn bản dưới luật để đảm bảo tính linh hoạt.

Thứ hai, về mô hình AI đa dụng: Tiếp thu ý kiến về tính khả thi và tránh gánh nặng cho người dùng, Ban soạn thảo đã bỏ toàn bộ các quy định riêng về “mô hình trí tuệ nhân tạo đa dụng” (Điều 15, 16 dự thảo cũ). Thay vào đó, Luật tập trung quản lý dựa trên mức độ rủi ro của hệ thống AI cụ thể khi đưa vào sử dụng (Điều 8), bất kể mô hình nền tảng là gì. Cách tiếp cận này giúp đơn giản hóa quy định, tránh gánh nặng không cần thiết cho các đơn vị chỉ sử dụng mô hình và tập trung quản lý vào các ứng dụng có rủi ro thực tế.

Thứ ba, về AI xuyên biên giới: Dự thảo Luật khẳng định nguyên tắc quản lý theo “lãnh thổ mở rộng”. Điều 2 quy định Luật áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia hoạt động AI tại Việt Nam. Khoản 6 Điều 13 quy định cụ thể: Nhà cung cấp nước ngoài có hệ thống AI rủi ro cao cung cấp tại Việt Nam bắt buộc phải có đầu mối liên hệ hợp pháp hoặc đại diện ủy quyền tại Việt Nam.

Thứ tư, về quyền người dùng và AI y tế: Các quyền của người dùng như quyền được biết, quyền giải thích đã được bảo đảm thông qua nghĩa vụ minh bạch (Điều 10) và trách nhiệm giải trình của nhà cung cấp (Điều 13, 14). Đối với AI y tế, thường được phân loại là rủi ro cao, nên đương nhiên phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về quản lý rủi ro và minh bạch tại Điều 13, không cần thiết quy định thêm khoản riêng về gán nhãn y tế để tránh trùng lặp.

Về nghĩa vụ của nhà cung cấp và bên triển khai

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về nội dung này, có 03 ý kiến đại biểu đề nghị làm rõ vai trò của các chủ thể (nhà phát triển, nhà cung cấp, bên triển khai) để làm cơ sở xác định nghĩa vụ minh bạch, giải trình và trách nhiệm dân sự. Bên cạnh đó, 01 ý kiến đề nghị bổ sung yêu cầu đánh giá tác động đạo đức xã hội ngay từ giai đoạn thiết kế dưới dạng báo cáo bắt buộc.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về phân định vai trò và trách nhiệm: Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và thể hiện rõ trong Dự thảo Luật. Tại Điều 3, các khái niệm “Nhà phát triển”, “Nhà cung cấp” và “Bên triển khai” đã được định nghĩa tách biệt dựa trên chức năng trong vòng đời hệ thống. Trên cơ sở đó, Điều 13 đã phân định rạch ròi nghĩa vụ: Nhà cung cấp chịu trách nhiệm về thiết kế, quản trị dữ liệu và thiết lập biện pháp quản lý rủi ro (khoản 1); Bên triển khai chịu trách nhiệm về vận hành đúng mục đích, giám sát và bảo đảm khả năng can thiệp của con người (khoản 2). Các Điều 9, 10 và 14 cũng đều phân định rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể này đối với các hoạt động minh bạch, gán nhãn, nghĩa vụ, trách nhiệm... liên quan tới hệ thống AI. Sự phân định này là căn cứ pháp lý trực tiếp để xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại tại Điều 28, đảm bảo không có sự chồng chéo hay đùn đẩy trách nhiệm.

Thứ hai, về đánh giá tác động đạo đức xã hội: Cơ quan soạn thảo thống nhất với quan điểm cần kiểm soát các rủi ro về đạo đức xã hội ngay từ khâu thiết kế. Tuy nhiên, thay vì phát sinh thêm một thủ tục hành chính là “báo cáo đánh giá tác động đạo đức”, Dự thảo Luật đã tích hợp yêu cầu này vào các nghĩa vụ kỹ thuật bắt buộc tại Điều 13. Cụ thể, Nhà cung cấp phải thiết lập biện pháp quản lý rủi ro

(bao gồm rủi ro xã hội), quản trị dữ liệu để hạn chế sai lệch, và bảo đảm khả năng giám sát của con người. Đối với hệ thống AI rủi ro cao, việc tuân thủ các yêu cầu này sẽ được kiểm chứng thông qua quy trình “Đánh giá sự phù hợp” trước khi lưu hành (Điều 12), đảm bảo mục tiêu quản lý mà không gây quá tải về thủ tục cho doanh nghiệp. Riêng đối với khu vực nhà nước, Điều 26 đã quy định bắt buộc phải lập báo cáo đánh giá tác động khi sử dụng AI rủi ro cao.

3. Về phát triển hạ tầng và bảo đảm chủ quyền AI quốc gia

Về hạ tầng AI quốc gia (Điều 15 - tương ứng Điều 17 cũ)

- *Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:* Về nội dung này, có 01 ý kiến đề nghị quy định cụ thể thành phần hạ tầng AI (siêu máy tính, GPU/TPU, hệ thống điện...) để tránh nhầm lẫn với hạ tầng số; có 01 ý kiến đề nghị bổ sung lộ trình triển khai và trách nhiệm cụ thể của các bộ ngành; có 02 ý kiến quan tâm đến việc xây dựng hạ tầng AI riêng cho cơ quan nhà nước (đặc biệt là thông tin mật) để bảo đảm an ninh, và 01 ý kiến đề nghị bổ sung quy định về an ninh mạng cho hạ tầng AI.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về thành phần và yêu cầu kỹ thuật: Dự thảo Luật đã xác định rõ các thành phần cốt lõi của hạ tầng AI quốc gia tại khoản 3 Điều 15, bao gồm: năng lực tính toán (compute), dữ liệu dùng chung, nền tảng huấn luyện, và mô hình nền tảng. Các yêu cầu kỹ thuật chi tiết (như GPU, hệ thống điện) mang tính chuyên ngành và thay đổi nhanh giao Chính phủ quy định chi tiết tại khoản 6 Điều 15 để đảm bảo tính linh hoạt.

Thứ hai, về lộ trình và an ninh: Các nội dung về lộ trình triển khai, mốc thời gian và trách nhiệm cụ thể sẽ được cụ thể hóa trong Chiến lược quốc gia về AI (Điều 18) và các chương trình của Chính phủ. Về an ninh, khoản 4 Điều 15 đã bổ sung quy định việc kết nối, khai thác hạ tầng phải tuân thủ yêu cầu về an toàn, an ninh và bảo vệ dữ liệu. Đồng thời, khoản 5 Điều 15 quy định các ứng dụng AI quan trọng trong lĩnh vực thiết yếu phải được triển khai trên hạ tầng quốc gia để bảo đảm khả năng kiểm soát.

Về Cơ sở dữ liệu phục vụ AI (Điều 16 - tương ứng Điều 18 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 04 ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc chất lượng dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống”; có 03 ý kiến đề nghị bổ sung các lĩnh vực dữ liệu trọng điểm (năng lượng, dược phẩm, thủ tục hành chính); có nhiều ý kiến quan tâm đến minh bạch nguồn dữ liệu huấn luyện (03 ý kiến), bảo vệ dữ liệu cá nhân/nhạy cảm (01 ý kiến), và bảo đảm chủ quyền dữ liệu văn hóa Việt Nam (02 ý kiến). Ngoài ra, có ý kiến đề nghị kiểm soát mã nguồn và cơ chế “tắt khẩn cấp”

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về chất lượng và phân loại dữ liệu: Các nguyên tắc chung về chất lượng dữ liệu (đúng, đủ, sạch, sống) và phân loại dữ liệu đã được quy định thống nhất trong Luật Dữ liệu. Luật AI tập trung vào yêu cầu đặc thù: khoản 1 Điều 16 yêu cầu dữ liệu phục vụ AI phải hợp pháp và tuân thủ pháp luật dữ liệu; khoản 2 Điều 16 quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về AI bao gồm dữ liệu mở, dữ liệu mở có điều kiện và dữ liệu thương mại.

Thứ hai, về danh mục dữ liệu ưu tiên: Tiếp thu ý kiến đại biểu, khoản 5 Điều 16 đã bổ sung ưu tiên dữ liệu thủ tục hành chính, cùng với dữ liệu văn hóa, ngôn ngữ tiếng Việt, y tế, giáo dục... vào Danh mục bộ dữ liệu do Thủ tướng Chính phủ ban hành. Các lĩnh vực cụ thể khác sẽ được rà soát đưa vào danh mục này theo thẩm quyền của Thủ tướng.

Thứ ba, về dữ liệu văn hóa và chủ quyền số: Dự thảo Luật đặc biệt chú trọng vấn đề này. Khoản 5 Điều 16 ưu tiên dữ liệu văn hóa, ngôn ngữ tiếng Việt. Đồng thời, khoản 1 Điều 17 quy định Nhà nước ưu tiên nguồn lực phát triển mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và công nghệ xử lý tri thức Việt Nam để bảo đảm chủ quyền số và an toàn quốc gia.

Thứ tư, về kiểm soát mã nguồn: Dự thảo Luật không quy định bắt buộc chuyển giao mã nguồn để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhưng khoản 3 Điều 13 yêu cầu Nhà cung cấp AI rủi ro cao phải thiết kế hệ thống bảo đảm khả năng giám sát và can thiệp (bao gồm dừng hoạt động) của con người, tương đương với cơ chế kiểm soát an toàn mà đại biểu đề xuất.

4. Về ứng dụng AI, phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực

Về Chiến lược quốc gia về AI (Điều 18 - tương ứng Điều 20 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về nội dung này, có 03 ý kiến đề nghị bổ sung hệ thống chỉ tiêu, mục tiêu định lượng rõ ràng (mức độ tự chủ công nghệ, năng lực tính toán...) vào Chiến lược; có 02 ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế đánh giá độc lập và rà soát hàng năm thay vì 3 năm; có 01 ý kiến đề nghị bỏ Điều này vì thuộc thẩm quyền Chính phủ.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về sự cần thiết quy định tại Luật: Mặc dù Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo thuộc thẩm quyền ban hành của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, việc quy định nguyên tắc,

nội dung cơ bản của Chiến lược tại Điều 18 của Luật là cần thiết. Lý do là AI là công nghệ chiến lược quốc gia, cần có định hướng tổng thể được Quốc hội thông qua để đảm bảo tính pháp lý cao nhất, tạo cơ sở cho việc tập trung nguồn lực quốc gia và thể chế hóa Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Thứ hai, về lĩnh vực ưu tiên và hệ thống chỉ tiêu: Tiếp thu ý kiến của đại biểu, khoản 3 Điều 18 đã quy định Chiến lược phải xác định rõ các lĩnh vực ưu tiên phát triển và ứng dụng AI, bao gồm y tế, giáo dục, nông nghiệp, môi trường, giao thông vận tải, quản trị công và an ninh - quốc phòng. Đồng thời, khoản 6 Điều 18 bổ sung quy định: “Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo phải quy định hệ thống chỉ tiêu, phương pháp và cơ chế đo lường nhằm đánh giá mức độ phát triển trí tuệ nhân tạo quốc gia”. Các chỉ tiêu cụ thể như mức độ tự chủ công nghệ, năng lực điện toán, năng lực đào tạo nhân lực sẽ được xác định trong Chiến lược do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thứ ba, về chu kỳ rà soát và cơ chế đánh giá: Tiếp thu ý kiến xác đáng của đại biểu, khoản 2 Điều 18 quy định: “Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo được rà soát, cập nhật định kỳ ít nhất 03 năm một lần hoặc khi có biến động lớn về công nghệ, chính sách”. Quy định “hoặc khi có biến động lớn” đảm bảo tính linh hoạt, cho phép rà soát, điều chỉnh bất cứ khi nào cần thiết, không nhất thiết phải chờ đủ 3 năm. Về cơ chế đánh giá, khoản 6 Điều 18 quy định Chiến lược phải có “phương pháp và cơ chế đo lường”, trong đó có thể bao gồm cơ chế đánh giá độc lập hoặc liên ngành tùy theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ khi phê duyệt Chiến lược.

Về chính sách phát triển hệ sinh thái và thị trường (Điều 19 - tương ứng Điều 21 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 01 ý kiến đề nghị quy định ngay trong luật 3 nhóm ưu đãi đặc thù: hỗ trợ chi phí điện toán trong nước, hỗ trợ chi phí huấn luyện mô hình và ưu đãi thuế dựa trên mức độ làm chủ công nghệ; có 01 ý kiến đề nghị Luật phải quy định các yêu cầu tối thiểu về chuẩn công nghệ và cơ chế kiểm định thuật toán cho sản phẩm giao dịch; có 01 ý kiến đề nghị bổ sung quy định về quản lý dữ liệu khi doanh nghiệp khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về AI. Nhiều ý kiến đề nghị có chính sách mạnh mẽ để làm chủ công nghệ thông qua chiến lược quốc gia, chính sách ưu đãi, ưu tiên phát triển AI “Made in Vietnam”, Quỹ phát triển AI để hỗ trợ làm chủ công nghệ lõi.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về các chính sách ưu đãi đặc thù: Dự thảo Luật đã quy định các nhóm chính sách ưu đãi cơ bản tại khoản 2 Điều 19, bao gồm: Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất khẩu, nhập khẩu (điểm a); ưu đãi về tín dụng, đầu tư (điểm b); hỗ trợ về đất đai, cơ sở hạ tầng (điểm c); hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa sản phẩm AI (điểm d).

Đặc biệt, về hỗ trợ chi phí điện toán và huấn luyện mô hình - nhu cầu thiết yếu của doanh nghiệp phát triển AI - Điều 24 quy định chi tiết: “Nhà nước hỗ trợ tổ chức, cá nhân thông qua phiếu hỗ trợ để sử dụng hạ tầng tính toán, truy cập dữ liệu dùng chung và tiếp cận dịch vụ tư vấn chuyên môn”. Cơ chế này cho phép doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, startup, được hỗ trợ trực tiếp chi phí sử dụng hạ tầng tính toán quốc gia và dữ liệu dùng chung, giảm gánh nặng đầu tư ban đầu. Về ưu đãi thuế dựa trên mức độ làm chủ công nghệ, đây là định hướng quan trọng nhằm khuyến khích doanh nghiệp tự chủ công nghệ. Khoản 6 Điều 19 giao Chính phủ quy định chi tiết cơ chế, điều kiện thực hiện các chính sách, trong đó sẽ xác định rõ mức độ ưu đãi tương ứng với mức độ làm chủ công nghệ (sở hữu mã nguồn, thuật toán, dữ liệu...).

Thứ hai, tiếp thu ý kiến xác đáng của các Đại biểu, Ban soạn thảo đã bổ sung Điều 17 về “Làm chủ công nghệ trí tuệ nhân tạo”, trong đó ưu tiên nguồn lực cho nghiên cứu, phát triển mô hình ngôn ngữ lớn tiếng Việt và tiếng dân tộc, công nghệ xử lý tri thức Việt Nam, và công nghệ huấn luyện hiệu năng cao. Đây được coi là trụ cột để bảo đảm chủ quyền số. Bên cạnh đó, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ AI cốt lõi được hưởng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đặc thù.

Thứ ba, về chuẩn công nghệ và cơ chế kiểm định cho sản giao dịch: Cơ quan chủ trì soạn thảo ghi nhận ý kiến xác đáng của đại biểu. Khoản 3 Điều 19 quy định: “Nhà nước khuyến khích phát triển các sản giao dịch, nền tảng kết nối cung - cầu về sản phẩm, dịch vụ trí tuệ nhân tạo”. Các yêu cầu kỹ thuật cụ thể về an toàn, bảo mật, cơ chế kiểm định thuật toán và tiêu chuẩn vận hành sản giao dịch sẽ được Chính phủ quy định chi tiết tại văn bản hướng dẫn (theo khoản 6 Điều 19) để đảm bảo tính linh hoạt, kịp thời cập nhật theo diễn biến công nghệ và thực tiễn.

Thứ tư, về quản lý dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia AI: Tiếp thu ý kiến của đại biểu, dự thảo Luật bổ sung khoản 5 Điều 19 quy định: “Tổ chức, cá nhân được phép truy cập, khai thác dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo theo nguyên tắc công khai, minh bạch, có kiểm soát. Chính phủ quy định chi tiết về danh mục dữ liệu được khai thác, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân truy cập; quy trình cấp quyền, cơ chế lưu vết hoạt động truy cập nhằm bảo đảm an toàn dữ liệu và trách nhiệm giải trình”.

Về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox - Điều 20 - tương ứng Điều 22 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 04 ý kiến cho rằng Điều 22 còn khái quát, không rõ đối tượng tham gia, tiêu chí lựa chọn, phạm vi hoạt động, cơ chế đánh giá, thời hạn thí điểm, trách nhiệm pháp lý và cơ chế bảo vệ dữ liệu; nếu không cụ thể, sandbox sẽ khó vận hành. 01 ý kiến đề nghị làm rõ phạm vi miễn/giảm nghĩa vụ. 01 ý kiến đề nghị làm rõ khái niệm “cố ý” để tạo điều kiện cho doanh nghiệp yên tâm thử nghiệm. 01 ý kiến đề nghị mở rộng phạm vi cho startup và viện nghiên cứu. 01 ý kiến đề xuất chuyển sang cơ chế “đăng ký, tiến hành ngay và giám sát bằng dữ liệu”.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về tính cụ thể của quy định: Điều 20 Dự thảo Luật đã quy định các nguyên tắc khung về Sandbox, bao gồm: phạm vi giới hạn (khoản 1), chế độ miễn/giảm nghĩa vụ (khoản 2), yêu cầu về đánh giá rủi ro và bảo đảm an toàn (khoản 3), giá trị pháp lý của kết quả thử nghiệm (khoản 4), và trách nhiệm của cơ quan quản lý (khoản 5). Các nội dung chi tiết về tiêu chí lựa chọn, trình tự thủ tục, thời hạn và cơ chế giám sát sẽ được Chính phủ quy định tại Nghị định (khoản 6 Điều 20) để đảm bảo tính linh hoạt.

Thứ hai, về phạm vi miễn, giảm nghĩa vụ: Tiếp thu ý kiến đại biểu, khoản 2 Điều 20 đã được chỉnh lý. Tổ chức tham gia được miễn hoặc giảm hoặc điều chỉnh tạm thời một số nghĩa vụ theo Luật này và “một số yêu cầu của pháp luật chuyên ngành theo quy định của Chính phủ”. Điều này tháo gỡ vướng mắc về xung đột pháp luật. Tuy nhiên, việc miễn giảm không áp dụng đối với các quy định về quyền con người, quyền công dân, an ninh quốc gia và lĩnh vực đặc biệt nghiêm ngặt.

Thứ ba, về trách nhiệm pháp lý và khái niệm “cố ý”: Khoản 2 Điều 20 quy định tổ chức tham gia “không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với sai sót phát sinh trong phạm vi, thời gian và điều kiện thử nghiệm được phê duyệt”, trừ trường hợp cố ý vi phạm hoặc vi phạm các giới hạn thử nghiệm. Điều này tạo không gian an toàn cho đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại) và hình sự không được miễn trừ để bảo vệ quyền lợi của bên thứ ba và trật tự xã hội.

Thứ tư, về mở rộng phạm vi và giá trị kết quả thử nghiệm: Khoản 1 Điều 20 áp dụng cho “tổ chức, cá nhân”, không giới hạn loại hình, do đó startup và viện nghiên cứu đều được tham gia. Đặc biệt, tiếp thu ý kiến đại biểu, khoản 4 Điều 20 quy định kết quả thử nghiệm được xác nhận là căn cứ để “Áp dụng thủ tục rút gọn

trong đánh giá sự phù hợp hoặc chấp thuận triển khai chính thức”, giúp rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường.

Thứ năm, về quy trình thủ tục: Để cân bằng giữa an toàn và tốc độ, khoản 5 Điều 20 quy định cơ quan quản lý áp dụng quy trình “thẩm định và phản hồi nhanh”. Việc chuyển sang cơ chế “đăng ký chạy ngay” hoàn toàn chưa phù hợp với bối cảnh hiện tại do rủi ro cao của AI đối với an ninh và quyền con người, cần có sự thẩm định ban đầu về phương án bảo đảm an toàn.

Về Quỹ Phát triển AI Quốc gia (Điều 21 - tương ứng Điều 23 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về nội dung này, có tổng cộng 30 lượt ý kiến đại biểu Quốc hội bày tỏ sự quan ngại về nguy cơ phân tán nguồn lực, trong đó 19 ý kiến cho rằng việc thành lập Quỹ có thể dẫn đến trùng lặp chức năng với Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) và Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF); có 11 ý kiến đề nghị rà soát kỹ để tránh trùng lặp nhiệm vụ chi. Bên cạnh đó, 02 ý kiến đề nghị rà soát tính pháp lý của thuật ngữ “vốn điều lệ” đối với quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; 02 ý kiến yêu cầu quy định rõ cơ chế tài chính, giám sát chặt chẽ và cơ chế tái đầu tư từ nguồn thu sản phẩm AI; và 02 ý kiến đề nghị làm rõ phạm vi hỗ trợ (đồng đầu tư, hỗ trợ theo kết quả) và cơ chế tài chính đặc thù.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin báo cáo tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về sự cần thiết và vấn đề trùng lặp: Cơ quan soạn thảo xin được bảo lưu quan điểm thành lập Quỹ nhưng đã tiếp thu ý kiến đại biểu để làm rõ sự khác biệt. Việc thành lập Quỹ là cần thiết vì AI hiện nay không chỉ là một lĩnh vực công nghệ mà đã trở thành hạ tầng chiến lược quốc gia. Các quỹ khoa học công nghệ hiện hành chưa đáp ứng được yêu cầu về quy mô đầu tư rất lớn (ước tính từ 500 triệu đến hàng tỷ USD cho hạ tầng tính toán) và cơ chế tài trợ nhanh, linh hoạt, chấp nhận rủi ro đặc thù của công nghệ AI - yếu tố then chốt để Việt Nam làm chủ công nghệ quan trọng nhất của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thứ hai, về tính pháp lý của nguồn vốn: Dự thảo Luật đã bổ sung nguyên tắc Quỹ hoạt động bảo đảm phối hợp, không trùng lặp với các quỹ tài chính nhà nước khác tại khoản 4 Điều 21, đồng thời loại bỏ cụm từ “vốn điều lệ” để phù hợp với tính chất quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Khoản 2 Điều 21 hiện quy định nguồn tài chính gồm: nguồn do ngân sách nhà nước cấp; đóng góp, viện trợ, tài trợ; và các nguồn hợp pháp khác. Quy định về “nguồn hợp pháp khác” cũng tạo cơ sở pháp lý mở để Chính phủ thiết lập cơ chế thu từ khai thác sản phẩm AI tái đầu tư vào Quỹ như đại biểu đề xuất.

Thứ ba, về cơ chế tài chính đặc thù và giám sát: Tiếp thu ý kiến về tính linh hoạt và minh bạch, khoản 3 Điều 21 đã quy định Quỹ được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù: chấp nhận rủi ro trong khoa học công nghệ; phân bổ vốn linh hoạt theo tiến độ và yêu cầu thực hiện, không phụ thuộc vào năm ngân sách; và được áp dụng thủ tục rút gọn đối với nhiệm vụ chiến lược. Đồng thời, khoản 5 Điều 21 giao Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức, quản lý, giám sát, bao gồm cả các cơ chế đồng đầu tư hoặc hỗ trợ theo kết quả đầu ra, bảo đảm sử dụng nguồn lực công khai, minh bạch và hiệu quả.

Về Phát triển nguồn nhân lực (Điều 22 - tương ứng Điều 24 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về nội dung này, có tổng cộng 15 lượt ý kiến đại biểu Quốc hội đóng góp, tập trung vào ba nhóm vấn đề chính: cơ chế đặc thù cho giáo dục đại học và thu hút chuyên gia (07 ý kiến); việc tích hợp nội dung AI vào giáo dục phổ thông (04 ý kiến); và sự đồng bộ với pháp luật giáo dục cũng như chính sách chuyển đổi việc làm (04 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về cơ chế đặc thù và thu hút nhân lực chất lượng cao: Tiếp thu ý kiến đề nghị bổ sung chính sách đặc thù để phát triển giảng viên, thu hút chuyên gia quốc tế và khuyến khích đào tạo chuyên sâu, Dự thảo Luật đã quy định tại khoản 4 Điều 22 về việc Nhà nước triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân lực AI, bao gồm các chính sách ưu tiên về đào tạo, học bổng, thu hút và trọng dụng chuyên gia. Đồng thời, khoản 5 Điều 22 khẳng định các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu tham gia phát triển nhân lực AI được hưởng cơ chế khuyến khích và ưu đãi theo quy định pháp luật. Đối với các nội dung kỹ thuật như mở ngành đào tạo mới, ban hành chuẩn chương trình, điều kiện tuyển dụng – đãi ngộ giảng viên, đây là lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Giáo dục đại học và các văn bản chuyên ngành.

Thứ hai, về tích hợp nội dung AI vào giáo dục phổ thông: Liên quan đến ý kiến lo ngại việc tích hợp bắt buộc có thể gây quá tải hoặc ảnh hưởng tư duy học sinh, Ban soạn thảo xin giải trình rằng quy định tại khoản 2 Điều 22 chỉ yêu cầu tích hợp nội dung “cơ bản” về trí tuệ nhân tạo, tư duy tính toán, kỹ năng số và đạo đức công nghệ. Mục tiêu là trang bị năng lực số nền tảng và khả năng tự bảo vệ cho học sinh trong môi trường số, không phải đào tạo chuyên sâu về kỹ thuật. Mức độ, phạm vi và lộ trình tích hợp cụ thể sẽ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (khoản 9 Điều 22) để bảo đảm sự phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi và chương trình giáo dục phổ thông tổng thể.

Thứ ba, về tính thống nhất và chính sách chuyển đổi việc làm: Đối với ý kiến đề nghị chuyển các quy định giáo dục sang luật chuyên ngành và các ý kiến về hỗ trợ chuyển dịch việc làm, Cơ quan soạn thảo khẳng định Luật AI chỉ quy định các định hướng chính sách mang tính chiến lược để làm cơ sở cho Chính phủ xây dựng các chương trình quốc gia. Các quy định kỹ thuật về quản lý đào tạo vẫn tuân thủ Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học, không gây chồng chéo. Về hỗ trợ lao động bị ảnh hưởng, các chính sách đào tạo lại và chuyển đổi nghề nghiệp sẽ được lồng ghép trong Chương trình quốc gia phát triển nhân lực AI (khoản 4 Điều 22) và các chương trình an sinh xã hội hiện hành.

Thứ tư, về kết nối hệ sinh thái và đạo đức công nghệ: Tiếp thu ý kiến đề nghị nhấn mạnh trách nhiệm kết nối và đào tạo về quyền riêng tư, đạo đức, khoản 3 và khoản 6 Điều 22 đã quy định khuyến khích hợp tác chặt chẽ giữa cơ sở giáo dục, doanh nghiệp và viện nghiên cứu trong đào tạo và thực hành. Đồng thời, nội dung “đạo đức công nghệ” đã được đưa vào yêu cầu bắt buộc trong tích hợp giáo dục phổ thông tại khoản 2 Điều 22.

5. Về đạo đức và trách nhiệm trong hoạt động AI

Về Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia (Điều 25 - tương ứng Điều 27 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về nội dung này, có 02 ý kiến đề nghị bỏ quy định cứng về thời gian rà soát “tối thiểu 3 năm” để đảm bảo tính linh hoạt trước sự thay đổi của công nghệ; có 01 ý kiến băn khoăn về tính định lượng của khái niệm “đạo đức xã hội” và đề nghị quy định rõ hành vi bị cấm để dễ xử phạt; có 03 ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc bảo vệ trẻ em và nhóm dễ bị tổn thương; có 01 ý kiến đề nghị nhấn mạnh bảo vệ bản sắc văn hóa. Ngoài ra, có 02 ý kiến đề nghị thiết lập đánh giá tác động đạo đức bắt buộc và mở rộng trách nhiệm này sang khu vực tư nhân, cùng các ý kiến về thẩm quyền ban hành hướng dẫn.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về cơ chế rà soát: Khoản 2 Điều 25 đã được chỉnh lý theo hướng bỏ quy định cứng về thời hạn 3 năm. Thay vào đó, Khung đạo đức sẽ được rà soát, cập nhật định kỳ hoặc khi có thay đổi lớn về công nghệ, pháp luật và thực tiễn quản lý, đảm bảo sự linh hoạt cần thiết.

Thứ hai, về tính pháp lý và phân định hành vi cấm: Ban soạn thảo thống nhất với ý kiến đại biểu rằng các quy phạm pháp luật dùng để xử phạt cần phải tường minh. Do đó, Dự thảo Luật xác định Khung đạo đức tại Điều 25 mang tính định hướng, khuyến nghị để xây dựng tiêu chuẩn và văn hóa ứng xử. Để đảm bảo tính

răn đe đối với các hành vi xâm phạm nghiêm trọng đến các giá trị cốt lõi (như lừa đảo, thao túng, xâm phạm quyền con người), Dự thảo đã pháp luật hóa chúng thành Các hành vi bị cấm tuyệt đối tại Điều 6. Việc tách bạch này giúp việc xử lý vi phạm (theo Điều 28) có căn cứ pháp lý rõ ràng, không phụ thuộc vào các khái niệm đạo đức trừu tượng.

Thứ ba, về bảo vệ nhóm yếu thế và văn hóa: Các nguyên tắc về bảo vệ trẻ em, nhóm người dễ bị tổn thương và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đã được tiếp thu và quy định xuyên suốt trong Luật. Cụ thể: Điều 4 (Nguyên tắc cơ bản) yêu cầu tuân thủ giá trị văn hóa Việt Nam; Điều 6 cấm tuyệt đối hành vi lợi dụng điểm yếu của nhóm dễ bị tổn thương; và Điều 25 khoản 1 khẳng định nguyên tắc tôn trọng quyền con người và thúc đẩy sự phát triển bền vững.

Thứ tư, về đánh giá tác động: Đối với khu vực tư nhân, thay vì đặt thêm thủ tục hành chính riêng về “đánh giá đạo đức”, Luật tích hợp yêu cầu này vào nghĩa vụ quản lý rủi ro tại Điều 13 đối với hệ thống AI rủi ro cao (bao gồm đánh giá rủi ro về quyền con người và an toàn). Đối với khu vực công, Điều 26 quy định bắt buộc cơ quan nhà nước phải lập báo cáo đánh giá tác động khi sử dụng AI rủi ro cao. Về thẩm quyền ban hành, tiếp thu ý kiến đại biểu về đạo đức là vấn đề “rộng và không tường minh”, cơ quan chủ trì soạn thảo đã chỉnh lý theo hướng không giao Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung đạo đức AI, mà giao Chính phủ quy định phương thức xây dựng và các nguyên tắc cơ bản để hình thành khung đạo đức (Điều 25 khoản 4). Cách tiếp cận này bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với bản chất khuyến nghị của khung đạo đức và tránh trùng lặp với cơ chế pháp lý bắt buộc trong Luật. Trên cơ sở đó, các Bộ chuyên ngành (Y tế, Giáo dục...) xây dựng hướng dẫn áp dụng cụ thể cho lĩnh vực mình quản lý để đảm bảo tính chuyên sâu.

Về trách nhiệm đạo đức và đánh giá tác động trong khu vực nhà nước (Điều 26 - tương ứng Điều 28 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 02 ý kiến đề nghị cấm ủy quyền hoàn toàn quyết định cho AI trong khu vực công; có 01 ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc “an toàn”; có 02 ý kiến đề nghị phân định rõ trách nhiệm pháp lý của các bên; có 01 ý kiến đề nghị quy định về liên chính khoa học và chống đạo văn.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về quyền quyết định của con người: Khoản 2 Điều 26 đã khẳng định nguyên tắc cốt lõi: Hệ thống AI không thay thế thẩm quyền và trách nhiệm quyết định của người ra quyết định theo quy định của pháp luật. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm cuối cùng về việc sử dụng kết quả do AI cung cấp.

Thứ hai, về đánh giá tác động và trách nhiệm: Tiếp thu ý kiến về mở rộng trách nhiệm đạo đức, khoản 3 Điều 26 quy định cơ quan vận hành hệ thống AI rủi ro cao hoặc có tác động đáng kể đến quyền con người phải lập báo cáo đánh giá tác động. Báo cáo này bao gồm xác định rủi ro và biện pháp kiểm soát, được thực hiện *trước khi* đưa hệ thống vào sử dụng để đảm bảo an toàn.

Thứ ba, về phân định trách nhiệm: Trách nhiệm pháp lý của 04 chủ thể (Nhà phát triển, Nhà cung cấp, Bên triển khai, Người sử dụng) đã được phân định rạch ròi tại Điều 13 và Điều 28. Đối với nội dung vi phạm pháp luật (tin giả, vi phạm bản quyền), các bên chịu trách nhiệm tương ứng với vai trò và mức độ lỗi của mình.

Thứ tư, về liên chính khoa học: Các vấn đề về đạo văn và liên chính khoa học thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về giáo dục và khoa học công nghệ. Điều 4 và Điều 25 của dự thảo Luật đã đặt nền tảng đạo đức chung để các cơ sở giáo dục xây dựng quy định cụ thể.

6. Về Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm (Chương VI)

Về thanh tra, kiểm tra (Điều 27 - tương ứng Điều 29 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Về nội dung này, có 02 ý kiến đề nghị xác định rõ cơ quan thanh tra chuyên ngành và áp dụng cơ chế theo rủi ro; có 01 ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế thanh tra chủ động, đột xuất, không chỉ phản ứng thụ động; có 01 ý kiến đề nghị chỉnh lý thuật ngữ cho chặt chẽ.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về thẩm quyền và nguyên tắc: Dự thảo Luật quy định hoạt động thanh tra thực hiện theo pháp luật về thanh tra (Điều 27 khoản 1), bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Về thẩm quyền chuyên ngành, Điều 32 đã phân công rõ: Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, các bộ ngành phối hợp thực hiện quản lý nhà nước (bao gồm thanh tra) trong phạm vi chức năng của mình.

Thứ hai, về cơ chế chủ động và theo rủi ro: Điều 9 khoản 5 quy định rõ cơ chế kiểm tra, giám sát được thực hiện theo mức độ rủi ro: Hệ thống rủi ro cao được kiểm tra định kỳ hoặc khi có dấu hiệu vi phạm; hệ thống rủi ro trung bình và thấp được giám sát qua báo cáo hoặc khi có sự cố. Quy định này cho phép cơ quan nhà nước chủ động kiểm tra đột xuất khi cần thiết, không chỉ thụ động chờ báo cáo.

Về Xử lý vi phạm và trách nhiệm bồi thường thiệt hại (Điều 28 - tương ứng Điều 30 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Đây là nội dung nhận được nhiều ý kiến tranh luận nhất. Có 06 ý kiến phản đối quy định phạt theo % doanh thu vì tính khả thi thấp và không thống nhất luật; có 03 ý kiến đề nghị giao Chính phủ quy định mức phạt để linh hoạt; có 03 ý kiến yêu cầu làm rõ trách nhiệm bồi thường giữa các chủ thể; có 02 ý kiến đề nghị áp dụng nguyên tắc "nguồn nguy hiểm cao độ" (bồi thường không lỗi); có 02 ý kiến đề nghị bổ sung chế tài phi tiền tệ (đình chỉ, gỡ bỏ) và xử lý hình sự.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về chế tài hành chính: Tiếp thu đa số ý kiến đại biểu, Dự thảo Luật đã bãi bỏ quy định phạt tiền theo tỷ lệ phần trăm doanh thu để bảo đảm tính khả thi và thống nhất pháp luật. Thay vào đó, khoản 2 Điều 28 quy định mức phạt tiền tối đa bằng số tuyệt đối: 01 tỷ đồng đối với cá nhân và 02 tỷ đồng đối với tổ chức. Đồng thời, khoản 2 Điều 33 đã bổ sung quy định sửa đổi Luật Xử lý vi phạm hành chính để đưa "trí tuệ nhân tạo" vào danh mục các lĩnh vực được áp dụng mức phạt đặc thù này. Mức phạt cụ thể cho từng hành vi sẽ do Chính phủ quy định chi tiết (khoản 4 Điều 28). Bên cạnh việc bỏ phạt theo doanh thu để thống nhất hệ thống pháp luật, Dự thảo Luật đã thiết kế các chế tài nghiêm khắc khác đủ sức răn đe như: buộc bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi trái pháp luật và đặc biệt là biện pháp đình chỉ cung cấp dịch vụ, thu hồi hệ thống đối với các vi phạm nghiêm trọng. Đây là mức chế tài cao nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại của sản phẩm, dịch vụ, buộc doanh nghiệp phải tuân thủ nghiêm ngặt.

Thứ hai, về trách nhiệm bồi thường: Để giải quyết vấn đề "hộp đen" của AI và bảo vệ người yếu thế, khoản 3 Điều 28 đã thiết lập cơ chế trách nhiệm đặc thù đối với AI rủi ro cao: Bên triển khai phải chịu trách nhiệm bồi thường trước cho người bị thiệt hại, ngay cả khi đã tuân thủ quy định (tương đồng nguyên tắc "nguồn nguy hiểm cao độ" nhưng không quy định cứng thuật ngữ này). Sau đó, Bên triển khai có quyền truy đòi Nhà cung cấp/Nhà phát triển hoàn trả theo mức độ lỗi.

Thứ ba, về đảo ngược nghĩa vụ chứng minh: Quy định trên thực chất đã tạo hiệu ứng "đảo ngược nghĩa vụ chứng minh" như đề xuất của đại biểu: người dân không cần chứng minh lỗi kỹ thuật của hệ thống, mà chỉ cần chứng minh thiệt hại; trách nhiệm chứng minh không có lỗi thuộc về Bên triển khai và các bên liên quan trong chuỗi cung ứng.

Thứ tư, về chế tài bổ sung: Ngoài phạt tiền, Dự thảo Luật quy định các biện pháp xử lý mạnh mẽ khác như: buộc tạm dừng, thu hồi hệ thống (Điều 11 khoản 3), công khai vi phạm (Điều 27 khoản 4) và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi nghiêm trọng (Điều 28 khoản 1).

7. Về Nội dung quản lý nhà nước (Điều 29 - tương ứng Điều 31 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 01 ý kiến đề nghị bổ sung quy định về “dấu hiệu nhận dạng hệ thống” vào nội dung quản lý nhà nước; có 01 ý kiến đề nghị bổ sung chính sách khen thưởng, tôn vinh.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về dấu hiệu nhận dạng: Nội dung này đã được quy định cụ thể tại Điều 10 (Trách nhiệm minh bạch), yêu cầu hệ thống phải có dấu hiệu nhận biết khi tương tác với con người và gắn nhãn nội dung tạo sinh.

Thứ hai, về khen thưởng: Chính sách thi đua, khen thưởng được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về thi đua, khen thưởng. Tuy nhiên, Điều 5 và Điều 19 đã có các chính sách ưu đãi, khuyến khích của Nhà nước đối với tổ chức, cá nhân có thành tích trong nghiên cứu, phát triển AI.

8. Hợp tác quốc tế về AI (Điều 31 - tương ứng Điều 33 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 07 lượt ý kiến đóng góp về nội dung này, bao gồm: 02 ý kiến đề nghị chuyển điều khoản về hợp tác quốc tế lên Chương I; 04 ý kiến đề nghị nội luật hóa Công ước Hà Nội và các khung quản trị quốc tế; 01 ý kiến đề nghị rà soát các vấn đề pháp lý xuyên biên giới.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về vị trí điều khoản: Cơ quan soạn thảo xin phép giữ nguyên vị trí Điều 31 tại Chương VII (Quản lý nhà nước) vì hợp tác quốc tế là một nội dung quản lý nhà nước, gắn liền với trách nhiệm của các bộ ngành (Điều 32).

Thứ hai, về nội luật hóa cam kết quốc tế: Điều 31 đã khẳng định nguyên tắc hợp tác theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Các nội dung phù hợp của Công ước Hà Nội (như chống tội phạm mạng) và các chuẩn mực quốc tế (minh bạch, an toàn) đã được lồng ghép vào các quy định cụ thể về hành vi cấm (Điều 6) và nghĩa vụ an toàn (Điều 13).

Thứ ba, về AI xuyên biên giới: Để giải quyết các tranh chấp pháp lý xuyên biên giới, Luật đã xác định phạm vi áp dụng đối với tổ chức nước ngoài (Điều 2) và yêu cầu đại diện pháp lý đối với nhà cung cấp AI rủi ro cao (Điều 13 khoản 6), tạo cơ sở pháp lý vững chắc để thực thi quyền tài phán.

9. Về Điều khoản thi hành (Điều 33, 34, 35 - tương ứng Điều 35, 36 cũ)

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Đây là nội dung nhận được nhiều ý kiến tranh luận nhất (09 ý kiến), tập trung vào tính thống nhất pháp luật, thời điểm hiệu lực và thời gian chuyển tiếp.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Cơ quan chủ trì soạn thảo xin tiếp thu và giải trình như sau:

Thứ nhất, về tính thống nhất với hệ thống pháp luật: Tiếp thu ý kiến đại biểu, khoản 1 Điều 33 đã quy định rõ việc bãi bỏ toàn bộ Chương IV về trí tuệ nhân tạo của Luật Công nghiệp công nghệ số và một số điều khoản liên quan, đảm bảo không có sự chồng chéo hay khoảng trống pháp lý giữa hai luật.

Thứ hai, về nguyên tắc áp dụng luật: Cơ quan soạn thảo xin giữ lại khoản 2 Điều 34 (quy định ưu tiên áp dụng Luật này khi có sự khác biệt) để khẳng định tính chuyên ngành và hiệu lực quản lý đối với lĩnh vực AI đặc thù. Đồng thời, khoản 3 Điều 34 quy định ưu tiên áp dụng chính sách có lợi hơn cho doanh nghiệp, đảm bảo hài hòa lợi ích.

Thứ ba, về thời gian chuyển tiếp: Có ý kiến cho rằng 12 tháng là quá ngắn. Tuy nhiên, để đảm bảo Luật sớm đi vào cuộc sống và quản lý kịp thời các rủi ro, thời hạn 12 tháng tại Điều 35 là phù hợp. Đối với các hệ thống “rủi ro không chấp nhận được”, do đã chuyển sang Điều 6 (Hành vi bị cấm), nên sẽ bị cấm ngay khi Luật có hiệu lực, không áp dụng thời gian chuyển tiếp, đảm bảo an toàn xã hội.

10. Một số vấn đề khác

Về Sở hữu trí tuệ (SHTT) và AI tạo sinh:

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 03 ý kiến lo ngại về “khoảng trống” quyền sở hữu đối với sản phẩm AI.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Vấn đề quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm do AI tạo ra là vấn đề phức tạp và đang được thảo luận toàn cầu. Dự thảo Luật AI tập trung vào khía cạnh an toàn, đạo đức và thúc đẩy phát triển công nghệ (Điều 4, Điều 25). Các nội dung liên quan đến xác lập, thực thi quyền tác giả đối với nội dung/sản phẩm AI sẽ được thực hiện theo pháp luật về Sở hữu trí tuệ hiện hành và dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ để bảo đảm tính thống nhất và không chồng chéo.

Về tác động xã hội và người yếu thế:

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có 04 ý kiến đề nghị chính sách hỗ trợ chuyển đổi việc làm và bảo vệ trẻ em.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Các nội dung này đã được tiếp thu và thể hiện tại Điều 22 (về đào tạo nhân lực, tích hợp giáo dục phổ thông) và Điều 6 (cấm lợi dụng trẻ em). Các chính sách an sinh xã hội cụ thể sẽ được Chính phủ quy định chi tiết trong các chương trình quốc gia.

Về quản lý và công cụ thực thi:

- Ý kiến của Đại biểu Quốc hội:

Có ý kiến đề nghị tăng cường công cụ kỹ thuật giám sát và bảo hiểm trách nhiệm.

Ý kiến tiếp thu, giải trình:

Luật đã quy định nghĩa vụ ghi nhật ký hoạt động (logging) tại Điều 13 để phục vụ giám sát kỹ thuật. Khoản 5 Điều 13 khuyến khích tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, tạo tiền đề để phát triển thị trường bảo hiểm công nghệ.

(Chi tiết về các vấn đề tiếp thu, giải trình tại các Phụ lục đính kèm).

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các Đại biểu Quốc hội về dự án Luật Trí tuệ nhân tạo. Chính phủ kính báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban KHCN&MT của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ: BTCN, các PCN, trợ lý TTg, TGD công TTĐT;
- Các vụ, cục: PL, KGVX, TH;
- Lưu: VT, KSTT (02).

25

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**



Nguyễn Mạnh Hùng